

KẾ HOẠCH

Hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa đối với bác sĩ y khoa năm 2023

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 1854/QĐ-BYT ngày 18/5/2015 của Bộ Y tế về việc Phê duyệt tài liệu “Chuẩn năng lực cơ bản của bác sĩ đa khoa”;

Căn cứ Thông tư số 35/2019/TT-BYT ngày 30/12/2019 của Bộ Y tế về việc Quy định phạm vi hoạt động chuyên môn đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 21/2020/TT-BYT ngày 30/11/2020 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa đối với bác sĩ y khoa;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Công văn số 238/SYT-QLHN ngày 30/01/2023 của Sở Y tế về việc thực hiện Thông tư số 21/2020/TT-BYT ngày 30/11/2020 của Bộ Y tế;

Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược xây dựng Kế hoạch Hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa đối với bác sĩ y khoa năm 2023, với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, ĐỐI TƯỢNG

1. Mục đích

Hướng dẫn về nội dung, công tác tổ chức và thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp chứng chỉ hành nghề đối với bác sĩ y khoa.

2. Yêu cầu

- Người thực hành được thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh trực tiếp trên người bệnh, thực hành việc kê đơn thuốc dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.

- Người thực hành phải tuyệt đối tuân thủ theo hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành, phải đảm bảo hoàn thành đầy đủ các nội dung thực hành và đủ thời gian thực hành là 18 tháng.

- Phân công người hướng dẫn thực hành phải đảm bảo phù hợp về chuyên môn, năng lực của người hướng dẫn thực hành.

3. Đối tượng

- Bác sĩ đa khoa.

II. NGUYÊN TẮC THỰC HÀNH

1. Nội dung thực hành của bác sĩ y khoa (người có văn bằng bác sĩ y khoa, bác sĩ đa khoa hoặc cử nhân y khoa đã được đào tạo bổ sung theo quy định của Thông tư số 42/2018/TT-BYT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về Đào tạo bổ sung đối với người có văn bằng cử nhân y khoa do nước ngoài cấp để được công nhận là bác sĩ) phải phù hợp với chương trình đào tạo, chuẩn năng lực nghề nghiệp của bác sĩ đa khoa và phạm vi hoạt động chuyên môn hành nghề của bác sĩ đa khoa quy định tại Thông tư số 35/2019/TT-BYT ngày 30/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Phạm vi hoạt động chuyên môn đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

2. Người thực hành (là bác sĩ y khoa) được thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh trực tiếp trên người bệnh, thực hành việc kê đơn thuốc dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành (người hướng dẫn thực hành đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 109/2016/NĐ-CP).

3. Người thực hành phải tuyệt đối tuân thủ theo hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành. Người thực hành phải bảo đảm hoàn thành đầy đủ nội dung thực hành và bảo đảm đủ thời gian thực hành là 18 tháng. Trường hợp phải dừng thực hành vì lý do thai sản, tai nạn hoặc vì các lý do bất khả kháng khác thì thời gian thực hành được cộng dồn nhưng ngắt quãng không quá 6 tháng.

4. Trường hợp viên chức hoặc người lao động được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyển dụng vào làm công tác chuyên môn tại cơ sở mà chưa có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, thì người đã được tuyển dụng cũng phải ký Hợp đồng thực hành với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó và được phân công người hướng dẫn thực hành theo quy định tại Thông tư số 21/2020/TT-BYT.

5. Việc phân công người hướng dẫn thực hành phải bảo đảm phù hợp về chuyên môn, năng lực của người hướng dẫn thực hành.

III. THỜI GIAN VÀ NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

1. Thời gian thực hành: 18 tháng tại các khoa

| STT | CHUYÊN KHOA | KHOA LÂM SÀNG | THỜI GIAN |
|-----|-------------------|-------------------|-----------|
| 1 | Chuyên khoa Nội | Khoa Nội - SCC | 5 tháng |
| 2 | Chuyên khoa Ngoại | Khoa Ngoại - GMHS | 3 tháng |
| 3 | Chuyên khoa Sản | Khoa Phụ Sản | 3 tháng |
| 4 | Chuyên khoa Nhi | Khoa Nhi | 4 tháng |

| STT | CHUYÊN KHOA | KHOA LÂM SÀNG | THỜI GIAN |
|-----|------------------------------------|-------------------------|-----------|
| 5 | Chuyên khoa Tai Mũi Họng | Khoa Tai Mũi Họng | 2 tuần |
| 6 | Chuyên khoa Răng Hàm Mặt | Khoa Răng Hàm Mặt | 2 tuần |
| 7 | Chuyên khoa Da liễu, Mắt, Tâm thần | Khoa Các Chuyên khoa | 6 tuần |
| 8 | Chuyên khoa Phục hồi chức năng | Khoa Phục hồi chức năng | 2 tuần |

- Trong quá trình thực hành kỹ thuật chuyên môn, người hành nghề được tập huấn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh với tổng thời gian là 20 buổi (mỗi buổi 4 tiết).

- Thời gian tập huấn được tính vào tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 18 tháng

*** Lưu ý:**

- Người thực hành cần đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành;

- Không được ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án điều trị;

- Không được tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi chưa được người hướng dẫn thực hành cho phép.

2. Nội dung hướng dẫn thực hành

- Theo khung chương trình đã được Bệnh viện phê duyệt.

- Nội dung hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh dựa trên cơ sở chuẩn năng lực của bác sĩ đa khoa đã được Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành tại Quyết định số 1854/QĐ-BYT ngày 18/5/2015.

- Các kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo tại các trường chuyên ngành y cho bác sĩ đa khoa, bác sĩ y khoa và dựa trên phạm vi hoạt động chuyên môn của bác sĩ.

IV. DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN VÀ SỐ LƯỢNG HỌC VIÊN

1. Danh sách người hướng dẫn thực hành

- Người hướng dẫn thực hành tại Bệnh viện theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 16 của Nghị định số 109/2016/NĐ-CP.

- Danh sách cán bộ đủ điều kiện hướng dẫn thực hành.

(Có danh sách kèm theo).

2. Số lượng học viên

Năm 2023, Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược dự kiến tiếp nhận 20 bác sĩ y khoa thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

V. QUY TRÌNH THỰC HIỆN

- **Bước 1:** Người thực hành nộp “Đơn đề nghị thực hành tại cơ sở khám

bệnh, chữa bệnh” theo Mẫu số 01 Phụ lục V Nghị định số 109/2016/NĐ-CP và bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp bác sĩ cùng các giấy tờ có liên quan tại phòng KHTH&VTTBYT.

- **Bước 2:** Phòng KHTH&VTTBYT nhận đơn, xét đơn đề nghị, tiếp nhận học viên và liên hệ với các khoa/phòng để phân công người hướng dẫn thực hành.

- **Bước 3:** Phòng KHTH&VTTBYT xây dựng lịch thực hành, soạn hợp đồng thực hành với người thực hành theo mẫu và trình ký lãnh đạo Bệnh viện. Phòng HCQT&TCCB soạn quyết định phân công người hướng dẫn thực hành và trình lãnh đạo phê duyệt theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định số 109/2016/NĐ-CP.

- **Bước 4:** Thực hiện hướng dẫn thực hành tại các khoa, phòng.

Người thực hành có trách nhiệm tuân thủ các nội dung được quy định tại Điều 10 Thông tư số 21/2020/TT-BYT.

Người hướng dẫn thực hành có trách nhiệm tuân thủ các nội dung được quy định tại Điều 11 Thông tư số 21/2020/TT-BYT.

- **Bước 5:** Nhận xét kết quả thực hành

Người thực hành làm bản thu hoạch trong quá trình thực hành và xin nhận xét, đánh giá về kết quả thực hành từ người hướng dẫn thực hành.

Người hướng dẫn thực hành nhận xét, đánh giá về kết quả thực hành (*theo mẫu*) và nộp về phòng KHTH&VTTBYT.

- **Bước 6:** Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành

Phòng KHTH&VTTBYT căn cứ vào:

+ Bản thu hoạch của người thực hành;

+ Phiếu đánh giá nhận xét của người hướng dẫn thực hành;

+ Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ của người thực hành được nêu trong Hợp đồng thực hành.

Nếu đã đủ điều kiện để cấp giấy xác nhận quá trình thực hành thì phòng KHTH&VTTBYT tiến hành soạn thảo giấy xác nhận quá trình thực hành và trình lãnh đạo Bệnh viện ký và cấp cho người thực hành.

- **Bước 7:** Lưu trữ hồ sơ

Phòng KHTH&VTTBYT lưu trữ hồ sơ thực hành theo quy định.

VI. CHI PHÍ THỰC HÀNH

- Dự kiến mức thu là: 15.000.000 đồng/18 tháng/bác sĩ.

- Đối với bác sĩ của Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược: Không thu phí.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng KHTH&VTTBYT

- Xây dựng Kế hoạch hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám

bệnh, chữa bệnh đa khoa đối với bác sĩ y khoa về Sở Y tế trước ngày 31/01 của năm đó. Đồng thời đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện.

- Tiếp nhận và ký hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với người thực hành theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 109/2016/NĐ-CP.

- Tiếp nhận đề xuất và lập danh sách người hướng dẫn thực hành.

- Tổ chức thực hiện quy trình hướng dẫn thực hành theo kế hoạch, giám sát, đánh giá chuyên môn về hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh của đơn vị.

- Thực hiện báo cáo về hoạt động hướng dẫn thực hành của cơ sở hướng dẫn thực hành về Sở Y tế trước ngày 05/01 của năm kế tiếp.

- Soạn thảo giấy xác nhận quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 02 quy định tại Phụ lục I Nghị định số 109/2016/NĐ-CP.

2. Phòng Hành chính Quản trị và Tổ chức Cán bộ

- Phối hợp với phòng KHTH&VTTBYT phân công người hướng dẫn thực hành, soạn Quyết định trình lãnh đạo ký duyệt.

- Phối hợp với phòng KHTH & VTTBYT kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động hướng dẫn thực hành để cấp giấy xác nhận quá trình thực hành.

3. Phòng Tài chính Kế toán

- Thực hiện hoạch toán, thu - chi, thanh quyết toán theo chế độ quy định.

4. Các khoa/phòng có liên quan

- Đề xuất người hướng dẫn thực hành phù hợp về chuyên môn, năng lực.

- Tham gia hướng dẫn, giám sát người thực hành theo quy định.

- Tạo điều kiện cho người thực hành hoàn thành nhiệm vụ và tham gia đầy đủ các buổi thực hành.

5. Người hướng dẫn thực hành

- Tuân thủ sự phân công hướng dẫn thực hành của người đứng đầu cơ sở thực hành.

- Người trực tiếp hướng dẫn thực hành đánh giá, nhận xét quá trình thực hành của người thực hành theo từng nội dung quy định. Việc đánh giá, nhận xét phải được thực hiện ngay sau khi người thực hành hoàn thành từng nội dung thực hiện.

- Đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành. Chịu trách nhiệm trong trường hợp người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành.

6. Người thực hành

- Tuân thủ nội quy, quy chế của cơ sở hướng dẫn thực hành.

- Tuân thủ quy định, quy chế chuyên môn của cơ sở thực hành và tuân theo sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành.

- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.

- Thực hiện các nghĩa vụ ghi trong hợp đồng thực hành. Nộp đầy đủ học phí thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo thỏa thuận trong hợp đồng với cơ sở hướng dẫn thực hành.

- Không được ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án điều trị.

- Không được tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi chưa được người hướng dẫn thực hành cho phép.

7. Lãnh đạo Bệnh viện

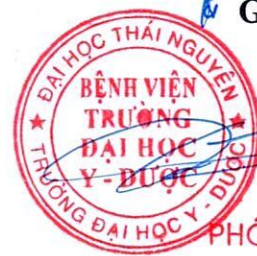
- Chỉ đạo, giám sát các đơn vị liên quan trong Bệnh viện xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện việc hướng dẫn thực hành.

- Căn cứ vào đánh giá, nhận xét thực hành của người hướng dẫn để ký giấy xác nhận quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở theo Mẫu 02 quy định tại Phụ lục I Nghị định số 109/2016/NĐ-CP.

Trên đây là Kế hoạch Hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa đối với bác sĩ y khoa năm 2023 của Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược. Đề nghị các khoa/phòng trong Bệnh viện và các cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (báo cáo);
- Các khoa, phòng (thực hiện);
- Đăng Website;
- Lưu: VT, KHTH.



GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Nguyễn Trọng Hiếu

DANH SÁCH CÁN BỘ ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo Kế hoạch số: 20B/KH-BV ngày 31 tháng 01 năm 2023)

| STT | Họ và tên | Số chứng chỉ hành nghề | Ngày cấp | Phạm vi hoạt động chuyên môn | Bằng chuyên môn |
|---|-------------------|------------------------|------------|-------------------------------------|-----------------|
| I. Chỉ đạo chung | | | | | |
| 1. Ban giám đốc | | | | | |
| 1 | Nguyễn Tiến Dũng | 0025804/BYT-CCHN | 31/12/2014 | Nội tổng hợp | Tiến sĩ |
| 2 | Nguyễn Trọng Hiếu | 0012355/BYT-CCHN | 18/12/2013 | Nội tổng hợp | Tiến sĩ |
| 3 | Vũ Thị Hồng Anh | 0015557/BYT-CCHN | 22/01/2014 | Ngoại khoa | Tiến sĩ |
| 2. Bộ phận giám sát trực tiếp | | | | | |
| 4 | Nguyễn Trọng Hiếu | 0012355/BYT-CCHN | 18/12/2013 | Nội tổng hợp | Tiến sĩ |
| 5 | Vũ Tiến Thăng | 005932/BYTCCHN | 04/9/2013 | Nội tổng hợp | Tiến sĩ |
| 6 | Vũ Thị Hồng Anh | 0015557/BYT-CCHN | 22/01/2014 | Ngoại khoa | Tiến sĩ |
| II. Hướng dẫn thực hành tại các khoa | | | | | |
| 1. Khoa Khám bệnh | | | | | |
| 7 | Đoàn Anh Thắng | 000399/BN-CCHN | 21/9/2012 | Kỹ thuật nội soi Dạ dày – Đại tràng | Tiến sĩ |
| 8 | Phạm Thị Quyên | 001897/BYT-CCHN | 01/11/2012 | Nội tổng hợp | Thạc sĩ |
| 9 | Hoàng Thị Huyền | 034217/BYT-CCHN | 29/8/2019 | Nội tổng hợp | Bác sĩ |

| STT | Họ và tên | Số chứng chỉ hành nghề | Ngày cấp | Phạm vi hoạt động chuyên môn | Bằng chuyên môn |
|---------------------------------------|-----------------------|------------------------|------------|------------------------------|-----------------|
| 2. Khoa Nội - Hồi sức cấp cứu | | | | | |
| 10 | Vũ Tiến Thăng | 005932/BYTCCHN | 04/9/2013 | Nội tổng hợp | Tiến sĩ |
| 11 | Trương Viết Trường | 0012359/BYT-CCHN | 18/12/2013 | Nội tổng hợp | Tiến sĩ |
| 12 | Bùi Thị Hợi | 0027207/BYTCCHN | 22/7/2015 | Nội tổng hợp | BSCCKII |
| 13 | Phùng Đức Anh | 036068/BYT-CCHN | 18/12/2017 | Nội tổng hợp | BSCCKI |
| 14 | Phạm Ngọc Linh | 0025935/BYT-CCHN | 06/02/2015 | Nội tổng hợp | Thạc sĩ |
| 15 | Nguyễn Lê Phương Thảo | 035625/BYT-CCHN | 26/01/2018 | Nội tổng hợp | Bác sĩ |
| 3. Khoa Ngoại - Gây mê hồi sức | | | | | |
| 16 | Nguyễn Công Bình | 001925/BYT-CCHN | 01/11/2012 | Ngoại khoa | BSCCKII |
| 17 | Nguyễn Quốc Huy | 001919/BYT-CCHN | 01/11/2012 | Ngoại khoa | BSCCKII |
| 18 | Châu Văn Việt | 004956/BYT-CCHN | 22/5/2013 | Ngoại khoa | Tiến sĩ |
| 19 | Phạm Thị Lan | 0012347/BYT-CCHN | 18/12/2013 | GMHS | Tiến sĩ |
| 20 | Ma Thị Hà | 001619/BYT-CCHN | 08/12/2017 | GMHS | Bác sĩ |
| 21 | Lê Mạnh Hùng | 005865TNG-CCHN | 19/9/2018 | Ngoại khoa | Bác sĩ |
| 4. Khoa Nhi | | | | | |
| 22 | Nguyễn Thị Xuân Hương | 0020547/BYT-CCHN | 08/5/2014 | Nhi khoa | Tiến sĩ |

| STT | Họ và tên | Số chứng chỉ hành nghề | Ngày cấp | Phạm vi hoạt động chuyên môn | Bằng chuyên môn |
|-----------------------------|----------------------|------------------------|------------|------------------------------|-----------------|
| 23 | Lê Thị Kim Dung | 0020546/BYT-CCHN | 08/5/2014 | Nhi khoa | Tiến sĩ |
| 24 | Hoàng Thị Huệ | 0020548/BYT-CCHN | 08/12/2014 | Nhi khoa | Tiến sĩ |
| 25 | Nguyễn Văn Bắc | 036942/BYT-CCHN | 30/3/2018 | Nhi khoa | Thạc sĩ |
| 26 | Đỗ Thái Sơn | 0025766/BYT-CCHN | 31/12/2014 | Nhi khoa | Thạc sĩ |
| 27 | Trần Tuấn Anh | 030864/BYT-CCHN | 04/11/2015 | Nhi khoa | Thạc sĩ |
| 28 | Nguyễn Thị Phương | 0025785/BYT-CCHN | 31/12/2014 | Nhi khoa | Thạc sĩ |
| 29 | Nguyễn Thị Thu Huyền | 030534/BYT-CCHN | 16/01/2017 | Nhi khoa | Thạc sĩ |
| 30 | Bế Hà Thành | 030576/BYT-CCHN | 10/10/2016 | Nhi khoa | Thạc sĩ |
| 31 | Dương Quốc Trường | 030526/BYT-CCHN | 20/9/2016 | Nhi khoa | Thạc sĩ |
| 5. Khoa Phụ Sản | | | | | |
| 32 | Phạm Mỹ Hoài | 001940/BYT-CCHN | 1/11/2012 | Sản Phụ khoa | BSCCKII |
| 33 | Hồ Hải Linh | 033025/BYT-CCHN | 16/5/2017 | Sản Phụ khoa | Bác sĩ |
| 6. Khoa Tai Mũi Họng | | | | | |
| 34 | Nguyễn Thị Ngọc Anh | 0015542/BYT- CCHN | 22/01/2014 | Tai Mũi Họng | Tiến sĩ |
| 35 | Nguyễn Toàn Thắng | 0025787/BYT- CCHN | 31/12/2014 | Tai Mũi Họng | Thạc sĩ |

| STT | Họ và tên | Số chứng chỉ hành nghề | Ngày cấp | Phạm vi hoạt động chuyên môn | Bằng chuyên môn |
|--------------------------------|---------------------|------------------------|------------|------------------------------|-----------------|
| 6. Khoa Răng Hàm Mặt | | | | | |
| 36 | Lưu Thị Thanh Mai | 0008722/BYT-CCHN | 21/10/2013 | Răng Hàm Mặt | Thạc sĩ |
| 37 | Mai Thu Quỳnh | 030880/BYT-CCHN | 12/11/2016 | Răng Hàm Mặt | Thạc sĩ |
| 38 | Đỗ Minh Hương | 0015541/BYT-CCHN | 22/01/2014 | Răng Hàm Mặt | Thạc sĩ |
| 39 | Bùi Hồng Hạnh | 0025930/BYT-CCHN | 06/02/2015 | Răng Hàm Mặt | Thạc sĩ |
| 40 | Lê Thị Hòa | 0012349/BYT-CCHN | 18/12/2013 | Răng Hàm Mặt | Thạc sĩ |
| 41 | Đàm Thu Trang | 0012363/BYT-CCHN | 18/12/2013 | Răng Hàm Mặt | Thạc sĩ |
| 42 | Ngô Viết Thành | 038510/BYT-CCHN | 26/9/2018 | Răng Hàm Mặt | Thạc sĩ |
| 43 | Vũ Ngọc Tú | 0025504/BYT-CCHN | 17/12/2014 | Răng Hàm Mặt | Thạc sĩ |
| 44 | Nguyễn Thanh Bình | 030443/BYT-CCHN | 28/8/2016 | Răng Hàm Mặt | Thạc sĩ |
| 45 | Nguyễn Đăng Thắng | 030061/BYT-CCHN | 28/7/2016 | Răng Hàm Mặt | Thạc sĩ |
| 7. Khoa Các chuyên khoa | | | | | |
| 46 | Đàm Bảo Hoa | 012368/BYT-CCHN | 18/12/2013 | Tâm thần | Tiến sĩ |
| 47 | Phạm Thu Hiền | 0012383/BYT-CCHN | 18/12/2013 | Da liễu | BSCCKII |
| 48 | Nguyễn Thị Thu Hoài | 001932/BYT-CCHN | 01/11/2012 | Da liễu | BSCCKII |

| STT | Họ và tên | Số chứng chỉ hành nghề | Ngày cấp | Phạm vi hoạt động chuyên môn | Bằng chuyên môn |
|--|-----------------------|------------------------|------------|------------------------------|-----------------|
| 49 | Vũ Thị Kim Liên | 0012340/BYT-CCHN | 18/12/2013 | Mắt | Tiến sĩ |
| 50 | Lương Thị Hải Hà | 001927/BYT-CCHN | 18/12/2013 | Mắt | BSCCKII |
| 51 | Nguyễn Thị Thanh Dung | 0027252/BYT-CCHN | 22/7/2015 | Mắt | Thạc sĩ |
| 8. Khoa Chẩn đoán hình ảnh và Thăm dò chức năng | | | | | |
| 52 | Hoàng Văn Tăng | 001879/BYT-CCHN | 24/11/2012 | Chẩn đoán hình ảnh | BSCCKII |
| 53 | Nguyễn Thị Bình | 0028310/BYT-CCHN | 20/01/2016 | Chẩn đoán hình ảnh | Thạc sĩ |
| 54 | Nguyễn Văn Kiên | 001882/BYT-CCHN | 24/10/2012 | Chẩn đoán hình ảnh | Thạc sĩ |
| 9. Khoa Xét nghiệm | | | | | |
| 55 | Nguyễn Thị Hoa | 012368/BYT-CCHN | 18/12/2013 | Xét nghiệm | Tiến sĩ |
| 56 | Lê Thị Minh Hiền | 0020641/BYT-CCHN | 14/5/2014 | Xét nghiệm | Tiến sĩ |
| 10. Khoa Phục hồi chức năng | | | | | |
| 57 | Trịnh Minh Phong | 0012364/BYT-CCHN | 18/12/2013 | VLTL, PHCN | Thạc sĩ |
| 58 | Vũ Thị Tâm | 0012338/BYT-CCHN | 18/12/2013 | VLTL, PHCN | Thạc sĩ |
| III. Giảng dạy luật khám chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp ứng xử | | | | | |
| 59 | Nguyễn Tiến Dũng | 0025804/BYT-CCHN | 31/12/2014 | Giám đốc | Tiến sĩ |
| 60 | Nguyễn Trọng Hiếu | 0012355/BYT-CCHN | 18/12/2013 | Phó Giám đốc | Tiến sĩ |

| STT | Họ và tên | Số chứng chỉ hành nghề | Ngày cấp | Phạm vi hoạt động chuyên môn | Bằng chuyên môn |
|-----|-----------------|------------------------|------------|------------------------------|-----------------|
| 61 | Vũ Thị Hồng Anh | 0015557/BYT-CCHN | 22/01/2014 | Phó Giám đốc | Tiến sĩ |
| 62 | Vũ Tiến Thăng | 005932/BYTCCHN | 04/9/2013 | Phòng KHTH | Tiến sĩ |
| 63 | Phạm Mỹ Hoài | 001940/BYT-CCHN | 01/11/2012 | Phòng KHTH | BSCKII |
| 64 | Đinh Ngọc Thành | 012350/BYT-CCHN | 18/12/2013 | Phòng Điều dưỡng | Thạc sĩ |
| 65 | Hoàng Mai Nga | 031362/BYT-CCHN | 20/3/2017 | Phòng Điều dưỡng | Thạc sĩ |

Nguyễn

**MẪU PHIẾU NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI CƠ SỞ**

(Kèm theo Kế hoạch số:/KH-BV ngày tháng 01 năm 2023)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐH Y - DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm

**PHIẾU NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

1. Người hướng dẫn thực hành

- Họ và tên:.....
- Số chứng chỉ hành nghề:..... Ngày cấp:...../...../.....
- Phạm vi hoạt động chuyên môn:
- Khoa/phòng làm việc:

2. Người thực hành

- Họ và tên: Ngày sinh:...../...../.....
- Số CMND/CCCD: Ngày cấp:...../...../.....
- Thời gian thực hành: Từ ngày tháng năm
Đến ngày tháng năm
- Chuyên khoa đăng ký thực hành (ghi theo các chuyên khoa quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 21/2020/TT-BYT):.....
- Địa điểm thực hành (ghi tên khoa thực hành):.....

3. Kết quả thực hành

- Năng lực thực hành chuyên khoa:.....
- Ý thức, tổ chức kỷ luật trong thời gian thực hành:.....

NGƯỜI HƯỚNG DẪN

(Ký và ghi rõ họ tên)

MTC

MẪU GIẤY XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-BVT, ngày tháng 01 năm 2023)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐH Y - DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../NXTH-BV

Thái Nguyên, ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược xác nhận:

Ông/bà:

Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

Địa chỉ cư trú:

Số CMND/CCCD: Ngày cấp:/...../.....

Nơi cấp:

Văn bằng chuyên môn: Năm tốt nghiệp:

Đã thực hành khám bệnh, chữa bệnh tại khoa.....

Do hướng dẫn thực hành.

Kết quả đạt được như sau:

1. Thời gian thực hành:.....

2. Năng lực chuyên môn:

3. Đạo đức nghề nghiệp:

GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

M. K. K.